

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2024/DS-PT
Ngày: 28/5/2024
V/v tranh chấp chia thừa kế và
đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Kiều Kim Xuân;
- Ông Ngô Tấn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2024/TLPT-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp chia thừa kế và đòi lại quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông **Châu Văn L**, sinh năm 1965;

2.2. Anh **Châu Huy H**, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

3.2. Ông **Châu Văn V**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

3.3. Bà **Triệu Thị Bé S**, sinh năm 1961;

3.4. Anh **Châu Văn T1**, sinh năm 1991;

3.5. Anh **Châu Văn L1**, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: **Số nhà A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

3.6. Ủy ban nhân dân thành phố S.

Địa chỉ: **N, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H1** – Chức vụ, Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Thanh S1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND (văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023).

4. Người kháng cáo: Ông **Châu Văn T** là nguyên đơn trong vụ án.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

(ông **Châu Văn T**, ông **Châu Văn L**, ông **Châu Văn V**, anh **Châu Huy H** có mặt tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị Ngọc M1**, bà **Triệu Thị Bé S**, anh **Châu Văn T1**, anh **Châu Văn L1** vắng mặt tại phiên tòa, **UBND thành phố S** có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Châu Văn T** trình bày:

Phần đất ông **T** tranh chấp với ông **L** và anh **H** có nguồn gốc của cha mẹ ông **T** và ông **L** là cụ **Châu Văn M2** và cụ **Lê Thị T2** chết để lại có diện tích 2.912m². Sau khi các cụ **C**, cụ **T2** chết thì ông **Châu Văn V** làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị xã **S** (nay là thành phố **S**) cấp ngày 26/5/1992. Đến năm 2003 ông **V** làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng thành 4.341,6m² thuộc thửa 25, 29 tờ bản đồ số 16. Khi ông **V** đăng ký xin cấp đổi giấy thì kê khai luôn phần đất vào năm 1985 cụ **C**, cụ **T2** đã cho ông **T**.

Sau đó, ông **V** có thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất cho các anh em trong đó có ông **T** nhưng ông **V** chưa giao đất cho ông **T**. Vì vậy, năm 2018 ông **T** khởi kiện đến Tòa án thành phố **S** yêu cầu ông **V** chia quyền sử dụng đất cho ông **T** diện tích 356,3m² và được Tòa án chấp nhận, hiện nay đã thi hành án xong. Đến ngày 20/8/2020, ông **T** được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh **D** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T**.

Trước đây ông **T** không có tranh chấp với ông **Châu Văn L**, do ông **L** có ý kiến thống nhất để ông **T** tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 81,6m² (đo đạc thực tế 80,7m²) thuộc một phần thửa đất 246 do ông **L** đứng tên và ông **L** sẽ thực hiện việc tách thửa sang tên cho ông **T** nhưng đến nay ông **L** không thực hiện. Hiện nay, ông **L** đã tặng cho thửa đất 246, tờ bản đồ số 16 cho con ruột là **Châu Huy H** vào ngày 07/12/2020.

Nay, ông **Châu Văn T** yêu cầu ông **Châu Văn L** và anh **Châu Huy H** chia quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 80,7m² thể hiện tại hình H1 (15,5m²) và hình H2 (65,2m²) theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S**; đất tọa lại tại **ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; hiện do anh **C Huy Hoàng** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất tranh chấp có các tài sản gồm: sân (nền) lát gạch vỉa hè, nhà của ông **T** xây dựng năm 1985, nhà vệ sinh, phần cát san lấp, 03 cây xoài, 05 cây dừa, 08 cây chuối, 01 cây đu đủ, 02 cây bông trang, 01 cây mai kiến thủy (tài sản và cây trồng của ông **T**); ô quăng, sàn mái bê tông cốt thép (xê nô), mái tole xi măng (do ông **L** xây dựng); ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Trường hợp, yêu cầu của ông **T** được chấp nhận, trên đất có tài sản của ông **L**, anh **H** là ô quăng, sàn mái bê tông cốt thép (xê nô), mái tole xi măng thì ông **T** yêu cầu ông **L** và anh **H** tháo dỡ, di dời tài sản để giao đất cho ông **T**. Ông **T** không bồi thường hay hỗ trợ chi phí gì cho ông **L** và anh **H**.

Trường hợp, yêu cầu của ông **T** không được chấp nhận các tài sản của ông **T** gồm: Sân (nền) lát gạch vỉa hè, nhà của ông **T** xây dựng năm 1985, nhà vệ sinh, phần cát san lấp, 03 cây xoài, 05 cây dừa, 08 cây chuối, 01 cây đu đủ, 02 cây bông trang, 01 cây mai kiến thủy thì ông **T** sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời để giao trả đất cho ông **L** và anh **H**. Không yêu cầu ông **L** và anh **H** bồi thường hay hỗ trợ chi phí gì khác.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, ông **T** yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông **T** đã nộp tạm ứng.

Trong vụ án này, ông **T** không tranh chấp yêu cầu gì đối với bà **M1** là vợ của ông **L**.

Bị đơn ông **Châu Văn L và anh **Châu Văn H2** cùng trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất 246, tờ bản đồ số 16 là của cha mẹ ông **L** là cụ **Châu Văn M2** (chết năm 1985) và cụ **Lê Thị T2** (chết năm 1983) để lại diện tích 2.912m². Sau khi cụ **M2**, cụ **T2** chết phần đất trên ông **V** làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị xã **S** (nay là **thành phố S**) cấp giấy vào ngày 26/5/1992. Năm 2003 ông **V** làm thủ tục cấp đổi giấy diện tích tăng thành 4.341,6m² thuộc thửa 25, 29 tờ bản đồ số 16. Đến tháng 12/2006 ông **V** chuyển nhượng cho bà **Văn Thị Thu T3** 875,6m², còn lại 3.466m².

Năm 2011, ông **V** có thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất cho các anh em mỗi người một phần theo hiện trạng đã sử dụng, theo thỏa thuận chia cho mỗi người là 450m². Tuy nhiên, theo hiện trạng sử dụng thì ông **L** được cấp giấy diện tích đất 416,9m² thiếu so với thỏa thuận nhưng ông **L** không có yêu cầu tranh chấp gì và ông **L** quản lý, sử dụng cho đến nay.

Năm 2018, ông **T** có tranh chấp với ông **V** thì ông **L** cũng có ý kiến, đối với phần diện tích đất 81,6m² mà ông **T** đang sử dụng, ông **L** đồng ý để ông **T** tiếp tục sử dụng và đăng ký kê khai bổ sung kèm theo bản án của Tòa. Do thời điểm đó,

ông T tranh chấp với ông V ông L không có liên quan gì trong vụ án và nghĩ ông T đã xây dựng phần sân trước và mí gạch phía sau nhà trên đất của ông L nên ông L cũng cho ông T tiếp tục sử dụng, ông L không đồng ý tách thửa sang tên cho ông T diện tích đất 81,6m². Ông L đã tặng cho thửa đất 246, tờ bản đồ số 16 và căn nhà gắn liền trên đất cho con ruột là Châu Huy H vào ngày 07/12/2020.

Nay, ông L và anh H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Trên phần đất tranh chấp ngoài sân (nền) lát gạch vỉa hè, nhà của ông T xây dựng năm 1985, nhà vệ sinh, phân cát san lấp, 03 cây xoài, 05 cây dừa, 08 cây chuối, 01 cây đu đủ, 02 cây bông trang, 01 cây mai kiến thủy (tài sản và cây trồng của ông T); Ô quăng, S2 mái bê tông cốt thép (xê nô), mái tole xi măng (do ông L xây dựng) thì không còn tài sản nào khác.

Vì vậy, ông L và anh H có yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông T, bà S, anh T1 và anh L1 liên đới tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại phần đất tranh chấp cho anh H quản lý, sử dụng.

Trường hợp, yêu cầu của ông T được chấp nhận và giao phần đất tranh chấp cho ông T quản lý, sử dụng mà trên đất có tài sản của ông L và anh H thì ông L và anh H tự nguyện tháo dỡ di dời tài sản để giao đất và cũng không yêu cầu ông T bồi thường hay hỗ trợ chi phí gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn V có ý kiến:

Việc tranh chấp giữa ông T với ông L và anh H thì ông V không có ý kiến, yêu cầu gì và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M có ý kiến:

Bà M thống nhất với ý kiến của ông L và Huy H không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Bé S, anh Châu Văn T1 và anh Châu Văn L1 có ý kiến:

Trong vụ án này, bà S, anh T1 và anh L1 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Trường hợp, không chấp nhận yêu cầu của ông T thì bà S, anh T1 và anh L1 đồng ý liên đới tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại phần đất tranh chấp cho anh H quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố S có văn bản ý kiến:

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban không có yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T về việc “Tranh chấp dân sự về chia quyền sử dụng đất” đối với ông Châu Văn L và anh Châu Huy H.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Châu Văn L** và anh **Châu Huy H** về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” đối với ông **Châu Văn T** và các thành viên trong hộ gồm bà **Triệu Thị Bé S**, anh **Châu Văn T1** và anh **Châu Văn L1**.

Buộc ông **Châu Văn T** và các thành viên trong hộ gồm bà **Triệu Thị Bé S**, anh **Châu Văn T1** và anh **Châu Văn L1** có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ, di dời tài sản (gồm vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng...) trong phạm vi tranh chấp diện tích đo đạc thực tế 80,7m² thể hiện tại hình H1 (15,5m²) và hình H2 (65,2m²) theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S** thuộc một phần thửa đất số 246, tờ bản đồ số 16 hiện do anh **C** Huy Hoàng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao trả lại đất cho anh **C** Huy Hoàng quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố S**; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá của Tòa án kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 11 năm 2023, ông **Châu Văn T** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Ngày 12/12/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không tự thỏa thuận được với bị đơn trong việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu phản tố, thống nhất với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Giữ nguyên kháng nghị số 207/QĐ-VKS-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông **Châu Văn T** và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của **Châu Văn T** đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đúng thời hạn theo quy định tại Điều 278, 279 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Ngọc M**, bà **Triệu Thị Bé S**, anh **Châu Văn T1**, anh **Châu Văn L1**, đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, Ủy ban nhân dân thành phố S (có văn bản xin xét xử vắng mặt), căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông **Châu Văn T** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Châu Văn T** buộc ông **Châu Văn L** và anh **Châu Huy H** phải giao trả 80,7m² đất thuộc một phần thửa 246, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại **ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp của cụ **Châu Văn M2** (chết năm 1985) và cụ **Lê Thị T2** (chết năm 1983) là cha, mẹ ruột của ông **T** và ông **L** chết để lại. Sau đó, ông **Châu Văn V** kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 26/5/1992, diện tích 2.912m² và được cấp đổi lại năm 2003 diện tích tăng lên thành 4.341,6m² thuộc thửa 25, 29 tờ bản đồ số 16. Đến tháng 12/2006, ông **V** chuyển nhượng cho bà **Văn Thị Thu T3** diện tích 875,6m² còn lại 3.466m². Sau đó, ông **V** tiến hành việc phân chia quyền sử dụng đất cho các anh, em. Riêng ông **T** không đồng ý nên phát sinh tranh chấp và khởi kiện ông **V** yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản án số 93/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc buộc ông **Châu Văn V** giao cho ông **C** Văng Thọ diện tích đất 356,3m², (thửa đất số 359, diện tích 90,0m², thửa đất số 360, diện tích 266,3m², cùng tờ bản đồ số 16). Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 80,7m² nằm trong diện tích 416,9m² thuộc một phần thửa đất số 246, tờ bản đồ số 16, phần đất này ông **T** quản lý sử dụng trước khi ông **V** phân chia đất cho anh em và tại thời điểm ông **T** tranh chấp với ông **V** thì ông **L** có thỏa thuận cho ông **T** tiếp tục sử dụng phần đất 81,6m² (đo đạc thực tế 80,7m²). Tại biên bản lấy lời khai ông **Châu Văn L** ngày 16/11/2018 ông **L** thừa nhận diện tích 81,6m² (đo đạc thực tế 80,7m²) thuộc một phần thửa 246, tờ bản đồ số 16 do ông **L** đứng tên là của ông **T** quản lý, sử dụng, ông **L** đồng ý để ông **T** tiếp tục sử dụng và đăng ký kê khai bổ sung kèm theo bản án số 93/2018/DS-

ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (Bút lục 12). Như vậy, thể hiện ý chí của ông **L** xác định diện tích đất 81,6m² (đo đạc hiện nay là 80,7m²) ông **T** là người trực tiếp sử dụng đất, vì vậy tại bản án số 93/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 ông **T** không tranh chấp đối với diện tích đất 81,6m² với ông **L** và ông **L** yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp giữa ông **T** và ông **V**. Đồng thời, ông **V** (là anh ruột của ông **L** và ông **T**) cũng có đơn đề ngày 26/11/2023 xác nhận thừa đất tranh chấp diện tích 80,7m² của ông **T** quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Như vậy, ông **T** kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông **L**, anh **H3** trả đất là có cơ sở chấp nhận.

Đối với phần đất tranh chấp ở hình 1 diện tích 15,5m² thì ông **L** (nay là anh **H**) có sử dụng một phần là ô quảng cửa sổ mỗi cái diện tích 0,5m², sê nô nhà anh **H** diện tích 1,6m², mái tole nhà anh **H** 3,0m². Tại phiên tòa phúc thẩm ông **L** và anh **H** thống nhất nếu Tòa án giao đất cho ông **T** thì ông **L**, anh **H** tự nguyện di dời các tài sản để giao đất cho ông **T**.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Châu Văn T**, buộc ông **Châu Văn L** và anh **C** Huy Hoàng chia quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế ông **Châu Văn T** đang sử dụng diện tích 80,7m² thuộc một phần thửa 246, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại **ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp** do anh **Châu Huy H** đứng tên quyền sử dụng đất là có căn cứ như vừa phân tích trên.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

- Ông **Châu Văn T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy H** phải liên đới chịu 1.736.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông **T** được chấp nhận và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0003177 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy H** còn phải liên đới nộp tiếp 1.736.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông **Châu Văn T** 1.736.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000678 ngày 18/3/2022 và 300.000đồng theo biên lai số 0000750 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Châu Văn T** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Châu Văn T** nên ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy h** phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng

số tiền 6.196.520đồng. Ông T đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Nên ông L, anh H phải nộp 6.196.520đồng để hoàn trả cho ông T.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn T. Chấp nhận kháng nghị số 207/QĐ-VKS-DS ngày 12/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn T.
2. Chấp nhận kháng nghị số 207/QĐ-VKS-DS ngày 12/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.
3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T.

Buộc ông Châu Văn L và anh Châu Huy H phải giao cho ông Châu Văn T diện tích đất 80,7m², thể hiện tại hình H1 (15,5m²) và hình H2 (65,2m²) theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S tại thửa số 246, tờ bản đồ số 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C Huy Hoàng ngày 07/12/2020 đất tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Châu Văn L, anh Châu Huy H phải di dời toàn bộ tài sản (gồm vật kiến trúc, công trình xây dựng, cây trồng...) trong phạm vi tranh chấp diện tích đo đạc thực tế 80,7m² (thể hiện tại hình H1 (15,5m²) và hình H2 (65,2m²) theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S thuộc một phần thửa đất số 246, tờ bản đồ số 16 hiện do anh C Huy Hoàng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao trả lại đất cho ông Châu Văn T theo quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất thửa số 246, tờ bản đồ số 16 đã cấp cho anh C Huy Hoàng vào ngày 07/12/2020 để cấp lại cho ông Châu Văn T diện tích 80,7m² thể hiện tại hình H1 (15,5m²) và hình H2 (65,2m²) theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2022 và ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc; Sơ đồ đo đạc hiện trạng 14/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S)

Ông **Châu Văn T** và anh **Châu Huy H** được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Châu Văn T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy H** phải liên đới chịu 2.036.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003177 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy H** còn phải nộp tiếp 1.736.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông **Châu Văn T** 1.736.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000678 ngày 18/3/2022 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000750 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Châu Văn T** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng: 6.196.520 đồng. Ông **Châu Văn L**, anh **Châu Huy H** phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá. Ông **T** đã nộp tạm ứng 6.196.520 đồng và đã chi xong. Nên ông **L**, anh **H** phải nộp 6.196.520 đồng để hoàn trả cho ông **T**.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Sa Đéc;
- CCTHADS TP. Sa Đéc;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ